



TĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 13.14.2026
Ngày: 13.14.2026	

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, bao gồm:

1. Bộ, ngành gồm: Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

1. Mục đích

Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia được thực hiện để thu thập thông tin thống kê của các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

2. Phạm vi thống kê

Số liệu báo cáo trong hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành về ngành, lĩnh vực được giao.

3. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định này.

4. Đơn vị báo cáo

Đơn vị báo cáo là bộ, ngành, cơ quan được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê.

5. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo là Bộ Tài chính (Cục Thống kê) được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê, dưới dòng đơn vị báo cáo.

6. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm phần số và phần chữ; được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê.

7. Kỳ báo cáo

a) Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa trong từng biểu mẫu thống kê; dưới tên biểu báo cáo. Kỳ báo cáo được tính theo lịch dương và được quy định cụ thể tại từng biểu mẫu báo cáo thống kê.

b) Kỳ báo cáo gồm kỳ tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, đột xuất hoặc kỳ báo cáo khác được ghi cụ thể ở biểu mẫu báo cáo.

8. Thời hạn nhận báo cáo

Ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu báo cáo. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nhận báo cáo trùng ngày nghỉ cuối tuần thì thực hiện theo thời hạn quy định. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn nhận báo cáo trùng ngày nghỉ lễ thì thời hạn nhận báo cáo là ngày đi làm đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ.

9. Phương thức gửi báo cáo

a) Báo cáo thống kê/báo cáo giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có) được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử theo thời gian quy định trên từng biểu mẫu.

b) Báo cáo thống kê phải được người có thẩm quyền trực tiếp ký trên văn bản giấy hoặc ký số trên văn bản điện tử, ghi rõ họ tên, chức vụ, ngày ký và đóng dấu (hoặc ký số) của cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu thống kê từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

10. Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê

a) Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê áp dụng đối với bộ, ngành quy định tại Phụ lục I.

b) Biểu mẫu báo cáo thống kê và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với bộ, ngành quy định tại Phụ lục II.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Nghị định; ban hành chế độ báo cáo thống kê để thu thập thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công cho Bộ Tài chính.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình triển khai Nghị định.

c) Đơn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Nghị định và báo cáo Chính phủ về việc thi hành Nghị định này.

2. Bộ, ngành, Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao

a) Tổ chức thu thập thông tin thống kê để biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia do bộ, ngành được phân công thực hiện.

b) Báo cáo Bộ Tài chính theo các biểu mẫu báo cáo thống kê và báo cáo giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có), cụ thể sau:

Bộ, ngành, Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện 03 biểu báo cáo: 001.Q/BCB-VĐTC, 002.Q/BCB-VĐTC, 003.Q/BCB-VĐTC.

Bộ Quốc phòng thực hiện 05 biểu báo cáo: 001.H/BCB-QP, 002.H/BCB-QP, 003.H/BCB-QP, 004.H/BCB-QP, 005.H/BCB-QP.

Bộ Công an thực hiện 05 biểu báo cáo: 001.H/BCB-CA, 002.H/BCB-CA, 003.H/BCB-CA, 004.H/BCB-CA, 005.N/BCB-CA.

Bộ Nội vụ thực hiện 06 biểu báo cáo: 001.K/BCB-NV, 002.N/BCB-NV, 003.N/BCB-NV, 004.5N/BCB-NV, 005.5N/BCB-NV, 006.N/BCB-NV.

Bộ Tư pháp thực hiện 07 biểu báo cáo: 001.N/BCB-TP, 002.N/BCB-TP, 003.N/BCB-TP, 004.N/BCB-TP, 005.N/BCB-TP, 006.N/BCB-TP, 007.N/BCB-TP.

Bộ Công Thương thực hiện 05 biểu báo cáo: 001.2N/BCB-CT, 002.2N/BCB-CT, 003.2N/BCB-CT, 004.2N/BCB-CT, 005.N/BCB-CT.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện 16 biểu báo cáo: 001.N/BCB-NNMT, 002.N/BCB-NNMT, 003.N/BCB-NNMT, 004.N/BCB-NNMT, 005.N/BCB-NNMT, 006.N/BCB-NNMT, 007.N/BCB-NNMT, 008.N/BCB-NNMT, 009.Q/BCB-NNMT, 010.N/BCB-NNMT, 011.5N/BCB-NNMT, 012.5N/BCB-NNMT, 013.N/BCB-NNMT, 014.N/BCB-NNMT, 015.2N/BCB-NNMT, 016.N/BCB-NNMT.

Bộ Xây dựng thực hiện 13 biểu báo cáo: 001.N/BCB-XD, 002.N/BCB-XD, 003.N/BCB-XD, 004.N/BCB-XD, 005.N/BCB-XD, 006.N/BCB-XD, 007.N/BCB-XD, 008.N/BCB-XD, 009.N/BCB-XD, 010.N/BCB-XD, 011.N/BCB-XD, 012.H/BCB-XD, 013.N/BCB-XD.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện 05 biểu báo cáo: 001.N/BCB-VHTTDL, 002.N/BCB-VHTTDL, 003.N/BCB-VHTTDL, 004.N/BCB-VHTTDL, 005.H/BCB-VHTTDL.

Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện 18 biểu báo cáo: 001.Q/BCB-KHCN, 002.N/BCB-KHCN, 003.Q/BCB-KHCN, 004.N/BCB-KHCN, 005.T/BCB-KHCN, 006.N/BCB-KHCN, 007.H/BCB-KHCN, 008.N/BCB-KHCN, 009.H/BCB-KHCN, 010.H/BCB-KHCN, 011.N/BCB-KHCN, 012.H/BCB-KHCN, 013.N/BCB-KHCN, 014.N/BCB-KHCN, 015.2N/BCB-KHCN, 016.N/BCB-KHCN, 017.2N/BCB-KHCN, 018.N/BCB-KHCN.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện 06 biểu báo cáo: 001.N/BCB-GDĐT, 002.N/BCB-GDĐT, 003.N/BCB-GDĐT, 004.N/BCB-GDĐT, 005.N/BCB-GDĐT, 006.N/BCB-GDĐT.

Bộ Y tế thực hiện 05 biểu báo cáo: 001.N/BCB-YT, 002.N/BCB-YT, 003.N/BCB-YT, 004.N/BCB-YT, 005.N/BCB-YT.

Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội thực hiện 01 biểu báo cáo: 001.K/BCB-UBCTĐB.

Ban Tổ chức Trung ương thực hiện 02 biểu báo cáo: 001.K/BCB-TWĐ, 002.K/BCB-TWĐ.

Tòa án nhân dân tối cao thực hiện 03 biểu báo cáo: 001.N/BCB-TANDTC, 002.N/BCB-TANDTC, 003.N/BCB-TANDTC.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện 02 biểu báo cáo: 001.H/BCB-VKSNDTC, 002.H/BCB-VKSNDTC.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện 09 biểu báo cáo: 001.Q/BCB-NHNN, 002.Q/BCB-NHNN, 003.Q/BCB-NHNN, 004.Q/BCB-NHNN, 005.Q/BCB-NHNN, 006.N/BCB-NHNN, 007.H/BCB-NHNN, 008.H/BCB-NHNN, 009.H/BCB-NHNN.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

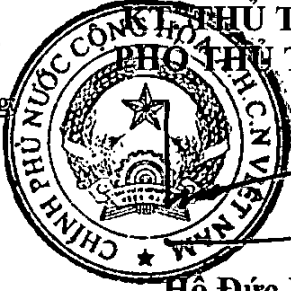
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). **70**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Đức Phớc